

Bản án số: 89/2024/DS-ST

Ngày: 24/6/2024

Về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **PHẠM HOÀNG VINH**.

2. Bà **VŨ HOA LAM**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **NGÔ THỊ CẨM LOAN** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà **DƯƠNG THỊ TIỂU PHƯƠNG**– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 414/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Văn Đ**, sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp B.L, xã B.M, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Chị **Lâm Thị Kiều O**, sinh năm 1990 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp G.C, xã B.M, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Phan Tấn N**, sinh năm 1987 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp B.L, xã B.M, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2023, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn Đ, trình bày:

Chị Lâm Thị Kiều O và anh Phan Tấn N là vợ chồng, anh N là con ruột của ông Phan Văn Đ. Chị O và anh N bắt đầu chung sống vào năm 2008 và ngày 28/6/2021, chị O và anh N đã ly hôn theo Bản án số: 38/2021/HNGĐ – ST của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh. Khi ly hôn, anh N và chị O không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung. Sau khi ly hôn, chị O khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và đã được giải quyết xong tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 46/2023/HNGĐ – ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tp TN.

Trong quá trình chung sống, anh N và chị O có nợ chung. Trong thời gian anh chị không còn sống chung nhưng chưa ly hôn (ly thân), ông Đ có trả nợ dùm cho vợ chồng anh N, chị O, cụ thể như sau:

- Ngày 17/02/2017, ông Đ trả tại Chi cục Thi hành án dân sự tp TN (để thi hành án cho chị Liên) số tiền nợ gốc 114.000.000 đồng, tiền lãi chậm thi hành án là 883.500 đồng và tiền án phí là 5.500.000 đồng, tổng cộng là 120.383.500 đồng.

- Trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh theo hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-2015 số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 khoản, ông Đ đã trả nợ chung dùm vợ chồng anh N, chị O số tiền 220.383.500 đồng.

Vợ chồng anh N và chị O đã ly hôn và chia tài sản chung xong, nên phần nợ chung trên anh N và chị O mỗi người phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ một nửa tương đương số tiền là 110.191.750 đồng.

Ngoài ra, khi trả nợ số tiền 100.000.000 đồng cho Ngân hàng thì ông Đ còn trả dùm phần lãi của số tiền này nhưng ông không nhớ cụ thể là bao nhiêu nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối số số tiền ông Đ trả nợ dùm anh N thì ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, ông Đ yêu cầu chị O có nghĩa vụ trả lại cho ông số tiền 110.191.750 đồng, làm tròn là 110.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án, cụ thể số tiền 50.000.000 đồng trả ngân hàng tính lãi từ ngày trả ngân hàng cuối cùng là 11/6/2018; số tiền 61.000.000 đồng tính lãi từ ngày trả vào Chi cục Thi hành án thành phố Tây Ninh là ngày 17/02/2017.

Ngoài ra, ông Đ không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết, bị đơn chị Lâm Thị Kiều O trình bày:

Anh N và chị O và vợ chồng nhưng hai người đã ly hôn ngày 28/6/2021 theo Bản án số 38/2021/HNGĐ – ST của Toà án nhân dân tp TN, ông Đ là ba ruột của anh N, là ba chồng của chị O.

Trong thời gian anh N và chị O sống chung, khoảng năm 2014 – 2015 có vay ngân hàng Agribank số tiền 100.000.000 đồng và nợ tiền hụi của chị Liên số tiền 114.000.000 đồng. Sau đó, chị O xuống Bình Dương làm việc, chị O và anh N thoả thuận chị O đi làm nuôi 03 con chung còn anh N làm trả khoảng nợ 214.000.000 đồng, thoả thuận miệng không thể hiện bằng văn bản. Chị O nuôi con từ năm 2015 đến năm 2021, mỗi tháng 7.000.000 đồng, số tiền chị O nuôi con rất nhiều so với số tiền anh N trả nợ. Còn việc ông Đ trả nợ thay cho anh N, chị O hoàn toàn không biết, chị O chỉ nghe anh N nói đã trả xong các khoản nợ rồi. Khi chị O nộp đơn chia tài sản chung sau khi ly hôn tại Toà án thì có nghe anh N nói là do ông Đ đứng ra trả nợ dùm.

Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, chị O không đồng ý.

Chị O không trình bày gì thêm.

Quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Tấn N, trình bày:

Anh N là con ruột của ông Đ, anh N và chị O là vợ chồng, sống chung năm 2008, năm 2015 chị O bỏ nhà đi nên vợ chồng không còn sống chung, đến năm 2021 vợ chồng chính thức ly hôn, vợ chồng có với nhau 03 con chung. Khi ly hôn, do 03 con chung đang sống ở bên ngoại nên anh N đồng ý giao 03 con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng và anh N cấp dưỡng nuôi 03 con chung số tiền

4.000.000 đồng/tháng, còn tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị O khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn và Toà án cũng đã giải quyết xong.

Riêng phần nợ chung của vợ chồng, khi chị O đi thì để lại khoản nợ chung phải thi hành án số tiền là 120.383.500 đồng; nợ ngân hàng 100.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này. Khi chị O bỏ đi, thi hành án xuống phát mãi tài sản, ông Đ thấy vậy mới đứng ra trả nợ dùm bên thi hành án để người ta không phát mãi tài sản và trả nợ dùm trong ngân hàng để lấy giấy đất ra, ông Đ dự định sau này để đất lại cho con ruột anh N. Việc ông Đ trả nợ dùm cho vợ chồng, anh N có nói cho chị O biết nhưng chị O không nói gì.

Phần nợ chung ông Đ đã trả nợ dùm anh N, chị O, ông Đ yêu cầu anh N và chị O mỗi người trả lại một nửa là 110.191.750 đồng cho ông Đ, anh N đồng ý nhưng chị O không đồng ý nên ông Đ mới khởi kiện chị O yêu cầu Toà án giải quyết.

Nay đối với yêu cầu của ông Đ, yêu cầu chị O trả lại cho ông Đ số tiền 110.191.750 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật thì anh N đồng ý toàn bộ yêu cầu của ông Đ.

Ngoài ra, anh N không có trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, trình bày:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Chị O có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 110.000.000 đồng và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự từ ngày Toà án thụ lý vụ án (ngày 11/10/2023) cho đến ngày xét xử. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn chị Lâm Thị Kiều O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Tấn N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị O, anh N là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Đ trả nợ chung dùm cho anh N và chị O số tiền tổng cộng là 220.383.500 đồng nên ông Đ yêu cầu chị O phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ một nửa số tiền trên là 110.191.750 đồng nhưng chị O không đồng ý nên hai bên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp đòi lại tài sản được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự.

[2]. Trong quá trình giải quyết các đương sự thống nhất thừa nhận, trong thời gian chung sống, anh N và chị O có 02 khoản nợ chung phải thi hành án ở Chi cục Thi hành án dân sự tp TN số tiền 114.000.000 đồng và nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 100.000.000 đồng, đây là các tình tiết sự kiện được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét lời trình bày của ông Đ cho rằng, ông Đ trả nợ thay cho vợ chồng anh N chị O, cụ thể ngày 17/02/2017, ông Đ trả vào Chi cục thi hành án dân sự tp TN số tiền phải thi hành án là 114.000.000 đồng, lãi suất chậm thi hành án là 883.500.000 đồng và tiền án phí là 5.500.000 đồng, tổng cộng là 120.383.500 đồng và ngày 12/6/2018 là ngày ông Đ trả xong số tiền 100.000.000 đồng cho Ngân hàng và tiền lãi của số tiền này. Lời trình của ông Đ được anh N, chị O thừa nhận và phù hợp với các chứng cứ do ông Đ cung cấp cho Tòa án. Đủ căn cứ khẳng định, có việc ông Đ trả nợ thay cho vợ chồng anh N, chị O số tiền 120.383.500 đồng vào Chi cục thi hành án tp TN và số tiền 100.000.000 đồng của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Tổng số tiền nợ chung ông Đ trả thay cho chị O và anh N là 220.383.500 đồng.

[4]. Xét lời trình bày của chị O cho rằng khi chị O và anh N không sống chung, chị O và anh N thoả thuận, anh N sẽ có nghĩa vụ trả phần nợ chung trên, còn chị O có nghĩa vụ nuôi 03 con chung. Từ năm 2015 đến năm 2021 số tiền chị O nuôi con rất nhiều so với số tiền anh N trả nợ. Lời trình bày của chị O không

được anh N thừa nhận, chị O không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét yêu cầu của ông Đ yêu cầu chị O trả cho ông Đ số tiền 110.000.000 đồng thấy rằng: Đủ căn cứ xác định ông Đ đã trả nợ chung dùm cho anh N và chị O số tiền 220.383.500 đồng, nay ông Đ yêu cầu trả lại nên anh N và chị O sẽ cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ số tiền trên. Nhưng do anh N và chị O đã ly hôn và chia tài sản chung xong, mỗi người phải có nghĩa vụ trả một nửa tương đương số tiền 110.191.750 đồng. Ông Đ yêu cầu chị O có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ 110.191.750 đồng, ông Đ tự làm tròn là 110.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền anh N phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ, ông Đ không yêu cầu anh N trả lại tiền cho ông Đ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6]. Đối với yêu cầu của ông Đ yêu cầu trả lãi của số tiền 110.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án, cụ thể, đối với 50.000.000 đồng trả vào ngân hàng thì tính lãi từ ngày trả xong nợ cho Ngân hàng là ngày 11/6/2018; đối với số tiền 60.000.000 đồng tính lãi từ ngày trả vào Chi cục Thi hành án dân sự tp TN là ngày 17/02/2017, thấy rằng: Việc ông Đ trả nợ dùm cho anh N chị O là do ông Đ tự nguyện trả khi ông Đ thấy chị O đã bỏ nhà đi và anh N không có khả năng trả nợ, giữa ông Đ, chị O và ông N không có thoả thuận về việc trả nợ dùm. Từ ngày ông Đ khởi kiện tại Toà án để đòi lại khoản tiền trên thì mới phát sinh tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo Điều 357 Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Do đó, có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu tính lãi của ông Đ, thời gian tính lãi từ ngày Toà án thụ lý vụ án là ngày 11/10/2023 đến ngày xét xử là ngày 24/6/2024 là 08 tháng 13 ngày. Tiền lãi được tính như sau: $110.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 7.730.555 \text{ đồng}$, được làm tròn là 7.730.000 đồng.

[7]. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với chị O, buộc chị O có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền 110.000.000 đồng và tiền lãi là 7.730.000 đồng, tổng cộng là 117.730.000 đồng.

[8]. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là có căn cứ để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Chị O phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ được Toà án chấp nhận là: 117.730.000 đồng x 5%= 5.886.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166; Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ đối với chị Lâm Thị Kiều O.

Buộc chị Lâm Thị Kiều O có nghĩa vụ trả cho ông Phan Văn Đ số tiền 110.000.000 đồng và tiền lãi 7.730.000 đồng, tổng cộng là 117.730.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị O phải chịu 5.886.500 đồng (Năm triệu, tám trăm tám mươi sáu ngàn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Phan Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Anh Phan Tấn N và chị Lâm Thị Kiều O vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng